CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 07/CBTT-2019	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI

Kính gửi: - UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Mã chứng khoán: KHB

Trụ sở Công ty: Xã Thống Nhất, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Văn phòng đại diện: 143 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: 02435625682

Sàn giao dịch: HNX

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 02435625682

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐72h ☐Yêu cầu ☐Bất thường ☐Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng công bố!

Tài liệu đính kèm
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2017

Người thực hiện công bố thông tin

M.S.D.N: 5400227011 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
TP. HÒA BÌNH - TỈNH HÒA BÌNH

Nguyễn Thanh Sơn

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
Ký ngày: 19/4/2019 11:03:48

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Tháng 04 năm 2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)
Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/12/2017)
Ông Trịnh Quốc Vân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Tạ Quang Mạnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Trần Anh Tú	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Bà Phùng Thị Kim Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Hậu Thành	Trưởng Ban
Bà Cao Tuyết Lan	Thành viên
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên

Ban Giám Đốc

Ông Lê Hữu Lộc	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/08/2017)

Đại diện pháp luật

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Nguyễn Thanh Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 19 Tháng 04 năm 2019

Vietland® Limited

02 Huynh Khuong Ninh Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84-28) 3910 5401 / Fax: (84-28) 3910 5402
Ha Noi Branch: Room 705, 17T3 Building, Hoang Dao Thuy Road,
Cau Giay Dist, Ha Noi City
Tel: (84-24) 6285 9222 / Fax: (84-24) 6285 9111
Email: hanoi@vietlandaudit.com.vn

Số: 0604 /2019/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị**
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19/04/2019, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính rcủa Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn " Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sơ đưa ra ý kiến kiểm toán

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính 2017 nên chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm tại ngày 31/12/2016 và tại ngày 31/12/2017. Chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê tại thời điểm kiểm toán và cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế. Vì vậy chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu và chính xác của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2016 với gái trị lần lượt là 81 triệu VND, 18,9 tỷ VND, 7,02 tỷ VND và tại thời điểm 31/12/2017 với giá trị lần lượt là 16 triệu VND, 18,9 tỷ VND, 6,1 tỷ VND.

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư tại ngày 31/12/2017 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu về cho vay ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Phải thu dài hạn khác, Phải trả người bán ngắn hạn, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và Phải trả ngắn hạn khác với số tiền lần lượt khoảng 62,5 tỷ VND; 196,4 Triệu VND; 20 tỷ VND; 1,7 tỷ VND; 150 tỷ VND; 38,7 tỷ VND; 11,7 tỷ VND; 7,9 tỷ VND; và các xác nhận số dư tại ngày 31/12/2016 của các khoản công nợ nêu trên với số tiền lần lượt khoảng 62,5 tỷ VND; 85,6 Triệu VND; 20 tỷ VND; 1,3 tỷ VND; 150 tỷ VND; 45,6 tỷ VND; 11,7 tỷ VND; 275 triệu VND. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện đánh giá tính rủi ro của các khoản công nợ phải thu và đã thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi vào kết quả kinh doanh năm 2017. Theo sổ sách của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cho các số dư công nợ và khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi, cũng như không thể ước tính chính xác lãi các khoản đi vay và cho vay trong năm nêu trên trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty.

Khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Sơn Penmax được trình bày trên bảng cân đối kế toán của công ty tại ngày 01/01/2017 và 31/12/2017 với giá trị lần lượt là 85 tỷ VND và 65 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được các hồ sơ tài liệu liên quan đến các khoản đầu tư trên. Do đó chúng tôi không thể xác định xem liệu có các điều chỉnh cần thiết nào (nếu có) cho các khoản đầu tư này không.

Chúng tôi không nhận được xác nhận góp vốn cũng như hồ sơ chứng minh khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty CP SPI, Công ty CP VFI Việt Nam, Công ty CP Đầu tư và Phát triển VDI Việt Nam và Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái tại thời điểm ngày 31/12/2017 với giá trị lần lượt là 15 tỷ VND; 5 tỷ VND; 22 tỷ VND; 34 tỷ VND; 25,5 tỷ VND. Đồng thời chúng tôi cũng chưa nhận được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của khoản đầu tư của Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty CP VFI Việt Nam, Công ty CP Đầu tư và Phát triển VDI Việt Nam và Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái. Công ty đã đánh giá rủi ro và trích lập tổn thất khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty CP SPI và Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái. Theo sổ sách của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế, chúng tôi không thể xác định liệu có phải điều chỉnh các khoản đầu tư và tổn thất của khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị trên hay không.

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Chúng tôi không nhận được bất kỳ tài liệu, hồ sơ, sổ sách liên quan đến số dư đầu năm của công ty từ năm 2016 trở về trước làm cơ sở đưa ra ý kiến của chúng tôi về số dư đầu năm 2017. Do đó chúng tôi không xác định được liệu có phải điều chỉnh đối với số dư đầu năm 2017 (nếu có) của Công ty hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sơ đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh III.1, Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Công ty phát sinh khoản lỗ là 142.621.324.218 đồng, lỗ lũy kế là 139.595.348.891 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 63.158.145.010 đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý, tố tụng để được bàn giao tài sản hiện vật, tài liệu pháp lý, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, giấy tờ chứng minh sở hữu tài sản từ người đại diện pháp luật cũ. Trong thời gian này Công ty đang tạm dừng tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Do vậy trong năm Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; các khoản mục công nợ phải thu, phải trả, tài sản không có biến động về số dư. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty được trình bày theo giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội, Báo cáo kiểm toán độc lập số 132/BCKT/TC ngày 30/03/2017 đưa ra ý kiến ngoại trừ về không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho; Chưa nhận được báo cáo kiểm toán của các công ty liên kết; Không thu thập được thông tin tài chính của Hợp đồng hợp tác kinh doanh và chưa trích dự phòng khoản phải thu khó đòi và đầu tư tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội

HOÀNG ĐÌNH HẢI- Phó Giám đốc	**LÊ THẾ THANH - Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2018-037-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2372-2018-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.083.702.501**	**102.574.482.777**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**19.731.187**	**190.035.311**
1. Tiền	111		19.731.187	190.035.311
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.914.642.091**	**83.372.398.359**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	62.512.603.558	62.512.603.558
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		196.446.092	85.597.999
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	20.000.000.000	20.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.718.195.999	1.260.918.999
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(82.512.603.558)	(486.722.197)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.6**	**-**	**18.863.600.420**
1. Hàng tồn kho	141		18.863.600.420	18.863.600.420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.863.600.420)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**149.329.223**	**148.448.687**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		149.329.223	148.448.687
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**215.913.752.573**	**257.334.263.861**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**150.000.000.000**	**150.000.000.000**
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	150.000.000.000	150.000.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**6.101.249.991**	**7.024.142.072**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	6.101.249.991	7.024.142.072
- Nguyên giá	*222*		*18.143.985.128*	*18.143.985.128*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(12.042.735.137)*	*(11.119.843.056)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**360.121.789**	**360.121.789**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		360.121.789	360.121.789
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.8**	**59.450.000.000**	**99.950.000.000**
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.000.000.000	15.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		86.500.000.000	86.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(42.050.000.000)	(1.550.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.380.793**	**-**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.380.793	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**217.997.455.074**	**359.908.746.638**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**65.241.847.511**	**64.531.814.857**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**65.241.847.511**	**64.531.814.857**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	38.694.673.004	45.578.290.350
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	6.250.648.578	6.250.648.578
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		629.595.000	629.595.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	7.868.672.223	275.022.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	11.695.380.000	11.695.380.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		102.878.706	102.878.706
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**152.755.607.563**	**295.376.931.781**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.13**	**152.755.607.563**	**295.376.931.781**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		290.755.000.000	290.755.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*290.755.000.000*	*290.755.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.106.364	4.106.364
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.850.090	1.591.850.090
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(139.595.348.891)	3.025.975.327
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*3.025.975.327*	*3.080.441.029*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(142.621.324.218)*	*(54.465.702)*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**217.997.455.074**	**359.908.746.638**

Nguyễn Thanh Sơn
Chủ tịch HĐQT
Ngày 19 tháng 04 năm 2019

Cao Tuyết Lan
Phụ trách kế toán

Cao Tuyết Lan
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	-	**67.356.645.455**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		-	**67.356.645.455**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	18.863.600.420	65.901.822.209
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**(18.863.600.420)**	**1.454.823.246**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	49.291	2.354.135.285
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40.500.000.000	1.648.719.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*98.719.000*
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5a	-	175.990.910
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5b	83.256.210.613	1.678.850.036
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(142.619.761.742)**	**305.398.585**
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		1.562.476	298.784.570
13. Lợi nhuận khác	**40**	**VI.6**	**(1.562.476)**	**(298.784.570)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(142.621.324.218)**	**6.614.015**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	61.079.717
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(142.621.324.218)**	**(54.465.702)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.8**	**(4.905)**	**(2)**

M.S.D.N: 5400227011 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
TP. HÒA BÌNH - T. HÒA BÌNH

Nguyễn Thanh Sơn	**Cao Tuyết Lan**	**Cao Tuyết Lan**
Chủ tịch HĐQT	**Phụ trách kế toán**	**Người lập biểu**

Ngày 19 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	46.979.210.816
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(7.493.640.939)	(77.547.244.275)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(288.800.000)	(636.400.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(200.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.613.650.000	330.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.562.476)	(330.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(170.353.415)**	**(31.404.833.459)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	19.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(150.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	150.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		49.291	2.376.135.286
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**49.291**	**21.676.135.286**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	29.285.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(19.564.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**-**	**9.721.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(170.304.124)**	**(7.698.173)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**190.035.311**	**197.733.484**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**19.731.187**	**190.035.311**

Nguyễn Thanh Sơn	**Cao Tuyết Lan**	**Cao Tuyết Lan**
Chủ tịch HĐQT	**Phụ trách kế toán**	**Người lập biểu**

Ngày 19 tháng 04 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Mẫu số B 09 - DN**

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 5400227011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hoà Bình cấp Đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 16 ngày 21/07/2017.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Thanh Sơn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ngành nghề kinh doanh chính:
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Phá dỡ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác .
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa .
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Khai thác và thu gom than cứng.
- Khai thác quặng sắt.
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt .
- Khai thác quặng kim loại quí hiếm .
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét .
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Thống Nhất, Thành Phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

1. Giả thiết về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của công ty trong qua trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Công ty phát sinh khoản lỗ là 142.621.324.218 đồng, lỗ lũy kế là 139.595.348.891 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 63.158.145.010 đồng. Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục pháp lý, tố tụng để được bàn giao tài sản hiện vật, tài liệu pháp lý, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, giấy tờ chứng minh sở hữu tài sản từ người đại diện pháp luật cũ, trong thời gian này đơn vị dừng tất cả các hoạt động kinh doanh của mình. Do vậy trong năm đơn vị không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các khoản mục công nợ phải thu, phải trả, tài sản hầu như không có biến động về số dư. . Tuy nhiên, theo nghị quyết số 04/2019/NQ - HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2019 về phê duyệt phương sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị đang xây dựng các phương án để phục hồi sản xuất kinh doanh và tiếp tục xác minh thu hồi công nợ, xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh mới. Do đó, Hội đồng Quản trị Công ty vẫn đang tiến hành lập Báo cáo tài chính trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

3. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác
Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán:

	Mức trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Nợ phải thu khác:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-45
Máy móc, thiết bị	08-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương tương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	15.908.608	81.230.508
Tiền gửi ngân hàng	3.822.579	108.804.803
Cộng	**19.731.187**	**190.035.311**

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**62.512.603.558**	**62.512.603.558**
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hùng Vương	973.444.394	973.444.394
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa	23.043.735.000	23.043.735.000
- Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	8.375.668.400	8.375.668.400
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	27.128.833.984
- Khách hàng khác	2.990.921.780	2.990.921.780
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	**27.128.833.984**	**27.128.833.984**
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	27.128.833.984

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Ông Lê Hữu Lộc (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

(*): Cho Ông Lê Hữu Lộc vay theo Hợp đồng số 07/2015/HĐKT ngày 31/12/2016 với số tiền 23,8 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm, tài sản thế chấp là cổ phần Công ty CP VFI Việt Nam mà ông Lộc sở hữu.

4. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	**62.512.603.558**	-	**973.444.394**	**486.722.197**
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hùng Vương	973.444.394	-	973.444.394	486.722.197
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa	23.043.735.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	8.375.668.400	-	-	-
- Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	-	-	-
- Khách hàng khác	2.990.921.780	-	-	-
b. Phải thu về cho vay ngắn hạn	**20.000.000.000**	-	-	-
- Ông Lê Hữu Lộc	20.000.000.000	-	-	-
Cộng	**82.512.603.558**	-	**973.444.394**	**486.722.197**

5. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	**1.718.195.999**	-	**1.260.918.999**	-
- Tạm ứng	1.318.196.000	-	860.919.000	-
- Phải thu lãi tiền vay	399.999.999	-	399.999.999	-
b. Dài hạn	**150.000.000.000**	-	**150.000.000.000**	-
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai (i)	85.000.000.000		85.000.000.000	-
- Công ty CP Sơn Penmax (ii)	65.000.000.000		65.000.000.000	-
Cộng	**151.718.195.999**	-	**151.260.918.999**	-

(i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình cùng góp vốn mỗi bên 50% tương đương với 35 tỷ đồng để mua lại nhà máy gạch Tuynel, mỏ sét của Công ty TNHH Bình Minh 1 tại Đắc Lắk và đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới; đồng thời cải tiến nâng cấp dây chuyền sản xuất cũ thành dây chuyền sản xuất tiết kiệm nguyên nhiên liệu, thời gian hợp tác kinh doanh là 10 năm từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel cũ được phục hồi đưa vào sản xuất lại, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ngày 03/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 50% tương đương 50 tỷ đồng để đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất gạch tuynel có công suất 90 triệu viên/năm, thời gian hợp tác kinh doanh là 10 năm từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới được đầu tư hoàn chỉnh, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

(ii) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh sơn nước và vật liệu sơn ngày 21/03/2016 giữa Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh (Nay là Công ty CP Sơn Penmax) và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 65 tỷ đồng để đầu tư mới đồng thời mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tại nhà máy của Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh, Thời gian hợp tác 03 năm từ ngày dây chuyền sản xuất sơn nước và các loại vật liệu sơn đầu tiên được đầu tư hoàn chỉnh, lợi nhuận chia cho các bên là 50%-50%.

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	137.436.777	(137.436.777)	137.436.777	-
- Công cụ, dụng cụ	6.158.181	(6.158.181)	6.158.181	
- Chi phí SX, KD dở dang	3.383.483.976	(3.383.483.976)	3.383.483.976	-
- Thành phẩm	495.207.119	(495.207.119)	495.207.119	-
- Hàng hóa	14.841.314.367	(14.841.314.367)	14.841.314.367	-
Cộng	**18.863.600.420**	**(18.863.600.420)**	**18.863.600.420**	**-**

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	**14.085.403.105**	**3.488.251.560**	**570.330.463**	**18.143.985.128**
Số dư cuối năm	**14.085.403.105**	**3.488.251.560**	**570.330.463**	**18.143.985.128**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	**7.061.261.033**	**3.488.251.560**	**570.330.463**	**11.119.843.056**
Khấu hao trong năm	922.892.081	-	-	922.892.081
Số dư cuối năm	**7.984.153.114**	**3.488.251.560**	**570.330.463**	**12.042.735.137**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**7.024.142.072**	**-**	**-**	**7.024.142.072**
Tại ngày cuối năm	**6.101.249.991**	**-**	**-**	**6.101.249.991**

8. Các khoản đầu tư tài chính

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	**15.000.000.000**		**(15.000.000.000)**	**15.000.000.000**		
- Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt	15.000.000.000		(15.000.000.000)	15.000.000.000		-
b) Đầu tư vào Công ty khác	**86.500.000.000**	**3.450.000.000**	**(27.050.000.000)**	**86.500.000.000**	**3.450.000.000**	**(1.550.000.000)**
- Công ty CP SPI (*)	5.000.000.000	3.450.000.000	(1.550.000.000)	5.000.000.000	3.450.000.000	(1.550.000.000)
- Công ty CP VFI Việt Nam	22.000.000.000		-	22.000.000.000		-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển VDI Việt Nam	34.000.000.000		-	34.000.000.000		
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	25.500.000.000		(25.500.000.000)	25.500.000.000		
Cộng	**101.500.000.000**	**3.450.000.000**	**(42.050.000.000)**	**101.500.000.000**	**3.450.000.000**	**(1.550.000.000)**

(i) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2017. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.
Thông tin chi tiết về các Khoản đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
- Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt	25,00%	25,00%
- Công ty CP SPI (*)	3,1%	3,1%
- Công ty CP VFI Việt Nam	17,9%	17,9%
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển VDI Việt Nam	14,67%	14,67%
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	9,96%	9,96%

(*) Đổi tên từ Công ty CP Đá Spilít

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	**38.694.673.004**	**38.694.673.004**	**45.578.290.350**	**45.578.290.350**
- Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	6.466.654.300	6.466.654.300	6.466.654.300	6.466.654.300
- Công ty CP Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền trung	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266
- Công ty CP Kinh doanh Thương mại Quốc tế	18.270.560.000	18.270.560.000	18.270.560.000	18.270.560.000
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	3.584	3.584	6.866.823.584	6.866.823.584
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	1.682.970.300	1.682.970.300	1.682.970.300	1.682.970.300
- Các nhà cung cấp khác	5.966.653.554	5.966.653.554	5.983.450.900	5.983.450.900
Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	6.466.654.300	6.466.654.300	6.466.654.300	6.466.654.300
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	3.584	3.584	6.866.823.584	6.866.823.584
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	1.682.970.300	1.682.970.300	1.682.970.300	1.682.970.300

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	123.553.655	123.553.655
- Bảo hiểm y tế	35.608.793	35.608.793
- Bảo hiểm thất nghiệp	23.919.077	23.919.077
- Phải trả khác	7.685.590.698	91.940.698
Cộng	**7.868.672.223**	**275.022.223**

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.299.728.284	-	-	1.299.728.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.432.884.282	-	-	3.432.884.282
Thuế thu nhập cá nhân	164.068.364	-	-	164.068.364
Thuế tài nguyên	1.241.245.159	-	-	1.241.245.159
Các loại thuế khác	112.722.489	-	-	112.722.489
Cộng	**6.250.648.578**	**-**	**-**	**6.250.648.578**

12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội (i)	1.974.380.000	1.974.380.000	-	-	1.974.380.000	1.974.380.000
- Bà Phạm Thị Hinh (ii)	9.721.000.000	9.721.000.000	-	-	9.721.000.000	9.721.000.000
Cộng	**11.695.380.000**	**11.695.380.000**	**-**	**-**	**11.695.380.000**	**11.695.380.000**

(i) Hợp đồng vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP Quân đội số 56.12.003.11.33890.TD, hạn mức tín dụng là 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất thả nổi.

(ii) Hợp đồng vay Bà Phạm Thị Hinh số 1605/2016/HĐVV ngày 16/05/2016, thời hạn vay 12 tháng.

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC					
Số dư đầu năm	**290.755.000.000**	**4.106.364**	**1.591.850.090**	**3.080.441.029**	**295.431.397.483**
Lỗ trong năm	-	-	-	(54.465.702)	(54.465.702)
Số dư cuối năm	**290.755.000.000**	**4.106.364**	**1.591.850.090**	**3.025.975.327**	**295.376.931.781**
NĂM NAY					
Số dư đầu năm	**290.755.000.000**	**4.106.364**	**1.591.850.090**	**3.025.975.327**	**295.376.931.781**
Lỗ trong năm	-	-	-	(142.621.324.218)	(142.621.324.218)
Số dư cuối năm	**290.755.000.000**	**4.106.364**	**1.591.850.090**	**(139.595.348.891)**	**152.755.607.563**

13.2 *Cổ phiếu*

	Cuối năm	Đầu năm
	Cổ phiếu	*Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**29.075.500**	**29.075.500**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.075.500	29.075.500
Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**29.075.500**	**29.075.500**
Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND***

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	-	**67.356.645.455**
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	67.356.645.455
Cộng	-	**67.356.645.455**
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	-	7.424.424.000
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	-	37.697.657.560

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ	-	65.901.822.209
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	18.863.600.420	-
Cộng	**18.863.600.420**	**65.901.822.209**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.291	2.354.135.285
Cộng	**49.291**	**2.354.135.285**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	-	98.719.000
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	40.500.000.000	1.550.000.000
Cộng	**40.500.000.000**	**1.648.719.000**

5. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a, Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	**175.990.910**
Chi phí nhân viên	-	175.990.910
b, Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	**83.256.210.613**	**1.678.850.036**
Chi phí nhân viên	288.800.000	492.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	82.025.881.361	486.722.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	922.892.081	467.949.324
Thuế, phí, lệ phí	18.637.171	232.178.515
Cộng	**83.256.210.613**	**1.678.850.036**

6. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	**1.562.476**	**298.784.570**
Chi phí phạt hành chính	-	200.000.000
Chi phí khác	1.562.476	98.784.570
Lợi nhuận khác	**(1.562.476)**	**(298.784.570)**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	**(142.621.324.218)**	**6.614.015**
Điều chỉnh tăng	142.312.373.862	**298.784.570**
Chi phí không được trừ	142.312.373.862	298.784.570
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	**(308.950.356)**	**305.398.585**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	**61.079.717**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(142.621.324.218)	(54.465.702)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(142.621.324.218)	(54.465.702)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.075.500	29.075.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(4.905)**	**(2)**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Thông tin bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	Bà Phạm Thị Hinh là Đồng Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến 29/06/2017
- Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu (KSK)	Ông Lê Hữu Lộc Giám đốc Công ty và là thành viên Hội đồng Quản trị của KSK đến tháng 7/2017
- Lê Hữu Lộc	Giám đốc Công ty đến ngày 15/08/2017
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Công ty có vốn góp đầu tư
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến 29/06/2017

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	Trả tiền hàng	6.866.820.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Phải thu khách hàng	27.128.833.984	27.128.833.984
- Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	Phải trả người bán	6.466.654.300	6.466.654.300
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	Phải trả người bán	3.584	6.866.823.584
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Phải trả người bán	1.682.970.300	1.682.970.300
-Ông Lê Hữu Lộc	Cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000
-Bà Phạm Thị Hinh	Vay ngắn hạn	9.721.000.000	9.721.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Năm 2017 đơn vị tạm ngừng tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh nên không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do vậy Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	**Đầu năm**
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.731.187	190.035.311
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.718.195.999	63.286.800.360
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	209.450.000.000	249.950.000.000
Cộng	**211.187.927.186**	**333.426.835.671**
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	11.695.380.000	11.695.380.000
Phải trả người bán và phải trả khác	46.563.345.227	45.853.312.573
Chi phí phải trả	629.595.000	629.595.000
Cộng	**58.888.320.227**	**58.178.287.573**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.
Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính nay.

3.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.
Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Các khoản vay	11.695.380.000	-	11.695.380.000
Phải trả người bán và phải trả khác	46.563.345.227	-	46.563.345.227
Chi phí phải trả	629.595.000	-	629.595.000
Cộng	**58.888.320.227**	**-**	**58.888.320.227**
Số dư đầu năm			
Các khoản vay	11.695.380.000	-	11.695.380.000
Phải trả người bán và phải trả khác	45.853.312.573	-	45.853.312.573
Chi phí phải trả	629.595.000	-	629.595.000
Cộng	**58.178.287.573**	**-**	**58.178.287.573**
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.731.187	-	19.731.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.718.195.999	-	1.718.195.999
Đầu tư dài hạn	-	209.450.000.000	209.450.000.000
Cộng	**1.737.927.186**	**209.450.000.000**	**211.187.927.186**
Số dư đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.035.311	-	190.035.311
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.286.800.360	-	63.286.800.360
Phải thu về cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	249.950.000.000	249.950.000.000
Cộng	**83.476.835.671**	**249.950.000.000**	**333.426.835.671**

4. Thông tin khác

Ngày 29/06/2017, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 để bầu ra Hội đồng Quản trị, người đại diện pháp luật mới. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục tố tụng có liên quan đến Người đại diện theo pháp luật cũ của Công ty nhằm yêu cầu bàn giao tài sản hiện vật, tài liệu pháp lý, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, giấy tờ chứng minh sở hữu tài sản theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc mới được bổ nhiệm.

Từ ngày 18/05/2017 Hội Đồng Quản trị đã miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Lê Hữu Lộc. Đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa bổ nhiệm Giám đốc thay cho Ông Lê Hữu Lộc. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Thanh Sơn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Tại ngày phát hành báo cáo này bà Phạm Thị Hinh, nguyên là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty cho đến ngày 29/06/2017 đã bị Công an Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ngày 21/03/2019 đã áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ hình sự đối với bà Phạm Thị Hinh về tội thao túng thị trường chứng khoán theo quy định tại Điều 211 Bộ Luật hình sự.

5. Cam kết hoạt động

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31/12/2017.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

Nguyễn Thanh Sơn	**Cao Tuyết Lan**	**Cao Tuyết Lan**
Chủ tịch HĐQT	**Phụ trách kế toán**	**Người lập biểu**

Ngày 19 tháng 04 năm 2019